1536

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC

TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ

ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả, cũng như thuế đánh vào phần vốn tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   (a) tại Đan mạch:

      (i) thuế thu nhập nộp cho Nhà nước;

(ii) thuế thu nhập cấp tỉnh;
(iii) thuế thu nhập nộp cho các huyện thị; và
(iv) các loại thuế áp dụng theo Đạo Luật thuế Hy-đrô-các-bon;

(dưới đây được gọi là "thuế Đan mạch");

(b) tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế lợi tức; và
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế được ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong các luật thuế của từng nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp Việt nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

(b) từ "Đan mạch" có nghĩa là Vương quốc Đan mạch gồm cả mọi vùng nằm ngoài lãnh hải Đan mạch mà các vùng đó, phù hợp với luật pháp quốc tế hiện đã hoặc sau này có thể được chỉ định theo các luật của Đan mạch, là nơi mà tại đó Đan mạch có thể thực hiện các quyền chủ quyền của mình đối với việc thăm dò và khai thác những nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đáy biển hay lòng đất dưới đáy biển hay khối nước ở trên và đối với các hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác kinh tế ở vùng đó; từ này không bao gồm vùng Faroe Islands và Greenland;

(c) các thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Đan mạch tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất cứ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

(e) thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(f) các thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

(g) thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) tất cả các cá nhân mang quốc tịch một Nước ký kết;
(ii) tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

(h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ việc vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

(i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(i) trong trường hợp đối với Đan mạch, là Bộ trưởng Bộ Thuế vụ hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Thuế vụ.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, nơi đăng ký hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

(a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

(b) nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

(c) nếu cá nhân đó thường sống tại cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

(d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở đăng ký của đối tượng đó. Tuy nhiên trường hợp đối tượng đó có trụ sở đăng ký tại một trong hai Nước và trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó nằm tại Nước kia, khi đó nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xác định Nước mà đối tượng đó sẽ là đối tượng cư trú theo nghĩa của Hiệp định này bằng thỏa thuận chung. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận chung như trên, thì theo nội dung của Hiệp định này, tại mỗi Nước ký kết đối tượng đó sẽ không được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

(a) trụ sở điều hành;

(b) chi nhánh;

(c) văn phòng;

(d) nhà máy;

(e) xưởng; và

(f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

(a) một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát có liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hoặc các hoạt động đó kéo dài hơn sáu tháng;

(b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp thực hiện thông qua người làm công cho xí nghiệp hay một đối tượng khác được xí nghiệp ủy nhiệm thực hiện tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trong trường hợp những hoạt động mang tính chất nói trên (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) kéo dài tại một Nước trong khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

(c) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

(e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị cho xí nghiệp;

(f) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) đến (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hoặc tài sản, từ đó đối tượng trên thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hoặc tài sản đại diện cho xí nghiệp.

6. Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hay hầu hết cho hoạt động đại diện cho xí nghiệp thì đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó và sẽ gồm cả bất kỳ quyền ưu tiên mua hoặc quyền tương tự liên quan đến bất động sản. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản, các quyền được thăm dò hoặc khai thác các nguồn, các mỏ khoáng sản và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác và các quyền được hưởng các khoản tiền được tính trên khối lượng hay giá trị sản xuất từ các nguồn tài nguyên nói trên; các tàu thủy, thuyền và máy bay không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1. Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó; hoặc

   (b) việc bán tại Nước kia các hàng hóa hoặc tài sản cùng loại hay tương tự với các loại hàng hóa hoặc tài sản được bán thông qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

   Các quy định tại điểm (b) và (c) sẽ không áp dụng nếu xí nghiệp chứng minh được là việc bán hàng hóa hoặc các hoạt động đã nêu thực tế không phải do cơ sở thường trú đó thực hiện.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép tính vào các khoản chi phí được trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để được phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của cơ sở ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của cơ sở ngân hàng.

4. Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan tới việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng trong các trường hợp mà thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không chính xác để xác định lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện là luật này sẽ được áp dụng phù hợp với các nguyên tắc tại Điều này, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

6. Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp đó.

7. Theo nội dung những khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp tính.

8. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VÀ VẬN TẢI BIỂN

1. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Theo Điều này, lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ bao gồm cả:

   (a) thu nhập từ việc cho thuê tàu thủy hay máy bay trống; và

   (b) lợi tức từ việc sử dụng, bảo dưỡng hoặc cho thuê các công-ten-nơ (kể cả khoang moóc và thiết bị kèm theo phục vụ cho việc vận chuyển bằng tàu công-ten-nơ) được sử dụng để vận chuyển hàng hóa hoặc tài sản,

   khi việc cho thuê hay sử dụng, bảo dưỡng trên, tùy từng trường hợp, có tính chất phụ kèm theo hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế.

3. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

4. Đối với các khoản lợi tức do tổ hợp (công-xoóc-xi-um) vận tải hàng không của Đan mạch, Na uy và Thụy điển, được gọi là Hệ thống Hàng không Scăng-đi-na-via (SAS) thu được, các quy định của khoản 1 sẽ chỉ áp dụng đối với phần lợi tức tương ứng với phần vốn góp trong tổ hợp (công-xoóc-xi-um) đó của tổ chức Det Danske Luftfartsselskab (DDL), là bên Đan mạch tham gia trong Hệ thống Hàng không Scăng-đi-na-via (SAS).

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

   (a) một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

   (b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

   và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn bị một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng, kể cả việc xác định những trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết đó không đủ để có thể xác định các khoản thu nhập được phân bổ cho một xí nghiệp, với điều kiện luật đó sẽ được áp dụng theo những nguyên tắc của Điều này, theo như thực tế vẫn phải thực hiện.

3. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp tại Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi tức mà một xí nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp của Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện lập ra giữa các xí nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (trừ tổ chức hùn vốn) nắm giữ trực tiếp ít nhất 70 phần trăm số vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần hay đầu tư ít nhất 12 triệu đô la Mỹ vào công ty đó.

   (b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (trừ tổ chức hùn vốn) nắm giữ dưới 70 phần trăm nhưng ít nhất là 25 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

   (c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia tiền lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền khác không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, và thu nhập từ các quyền lợi công ty khác phải chịu thuế giống như thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2,

   (a) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt nam sẽ được miễn thuế Việt nam nếu số tiền lãi đó trả cho:

      (i) Nhà nước Đan mạch, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc tổ chức hợp pháp của Đan mạch;

      (ii) Ngân hàng Quốc gia Đan mạch;

      (iii) bất kỳ một tổ chức nào khác mà toàn bộ hoặc phần lớn vốn của tổ chức này do Chính phủ Đan mạch nắm giữ, và có thể được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết nhất trí trong từng thời kỳ;

   (b) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Đan mạch sẽ được miễn thuế Đan mạch nếu số tiền lãi đó được trả cho:

(i) Chính phủ Việt nam, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc bất kỳ tổ chức hợp pháp nào khác;

(ii) Ngân hàng Nhà nước Việt nam;

(iii) một tổ chức hợp pháp, hoặc bất kỳ tổ chức nào mà toàn bộ hay phần lớn vốn của tổ chức này do Chính phủ Việt nam nắm giữ, và có thể được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết nhất trí trong từng thời kỳ;

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ các chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, kể cả các khoản tiền thưởng, giải thưởng kèm theo các khoản chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5. Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó hoặc (b) với hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 15 phần trăm tổng số tiền bản quyền. Mặc dù đã có quy định tại câu trên, nếu số tiền được trả có liên quan đến bất kỳ bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hay quy trình bí mật, hoặc trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp hoặc khoa học hoặc trả cho việc sử dụng hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hay khoa học gắn với việc chuyển giao bí quyết, thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 5 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc phim hoặc các loại băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó hoặc (b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở Nước ký kết kia một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vì bất cứ lý do gì vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hay các quyền lợi tương ứng trong một công ty mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hay chủ yếu bất động sản nằm tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

4. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hay động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó hoặc các công-ten-nơ (kể cả khoang moóc và các thiết bị liên quan dùng cho việc vận chuyển bằng công-ten-nơ) mà việc sử dụng các công-ten-nơ đó có tính chất phụ kèm theo hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó. Tuy nhiên, các quy định của khoản này sẽ chỉ áp dụng nếu các công-ten-nơ hay khoang moóc và thiết bị liên quan chỉ được sử dụng cho việc vận chuyển giữa các địa điểm trong phạm vi Nước ký kết kia.

5. Đối với các khoản lợi tức do tổ hợp vận tải hàng không của Đan mạch, Na uy và Thụy điển, Hệ thống Hàng không Scăng-đi-na-via (SAS), các quy định tại khoản 4 sẽ chỉ áp dụng đối với phần lợi tức tương ứng với phần vốn góp trong tổ hợp đó của tổ chức Det Danske Luftfartsselskab (DDL), là bên Đan mạch tham gia trong Hệ thống Hàng không Scăng-đi-na-via (SAS).

6. Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với các cổ phần nêu tại khoản 3 chiếm ít nhất 10 phần trăm vốn đóng góp trong công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

7. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản được nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

8. Trường hợp một cá nhân trước đây là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và đã trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khoản 6 và 7 của Điều này sẽ không ảnh hưởng tới quyền của Nước thứ nhất theo các luật quốc gia của mình đánh thuế cá nhân đó trên phần giá trị vốn tăng thêm của các cổ phần cho đến thời điểm thay đổi thân phận cư trú.

   Khi các cổ phần sau đó được chuyển nhượng và lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng đó bị đánh thuế tại Nước ký kết kia phù hợp với Điều này, Nước kia sẽ cho phép trừ vào thuế đánh vào thu nhập một khoản tiền tương đương với số thuế thu nhập đã nộp tại Nước thứ nhất.

   Tuy nhiên, số thuế được trừ như trên sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ trên phần thu nhập có thể phải chịu thuế tại Nước thứ nhất theo như câu thứ nhất của khoản này.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau, khi đó các khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   (a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

   (b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hay vượt quá 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo các quy định tại Điều 16, 18, 19 và 21 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu :

   (a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hay kết thúc trong năm tài chính liên quan, và

(b) chủ lao động hay người đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

(c) số tiền thù lao không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ công việc làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết hoạt động trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

4. Khi một đối tượng cư trú của Đan mạch nhận được các khoản tiền công từ công việc làm trên máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế của tổ hợp Hệ thống Hàng không Scăng-đi-na-via (SAS) thì khoản tiền công đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Đan mạch.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, nghệ sĩ, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động trình diễn cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động tại Nước ký kết kia theo khuôn khổ chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của hai Nước ký kết, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG TỰ

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền tương tự được trả cho một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Trường hợp một cá nhân đã là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khoản 1 Điều này sẽ không ảnh hưởng tới quyền của Nước thứ nhất theo các luật quốc gia của Nước đó đánh thuế các khoản tiền lương hưu, các khoản tiền tương tự khác và các khoản tiền bảo hiểm hàng năm từ Nước thứ nhất trả cho đối tượng đó.

3. Từ "tiền bảo hiểm hàng năm" nghĩa là các khoản tiền nhất định được trả định kỳ theo từng thời gian nhất định, trong suốt cuộc đời hoặc trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc khoảng thời gian được cam kết thể theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại được số tiền hay trị giá bằng tiền toàn bộ hay tương ứng.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) đã không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan đó lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan đó có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này vừa là đối tượng cư trú vừa là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3. Các quy định của Điều 15, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hay học sinh học nghề nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay học sinh học nghề này ngay trước khi đến một Nước ký kết đã hoặc đang là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền công mà một sinh viên hay học sinh học nghề, người đã hoặc đang là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện có mặt tại Nước ký kết kia chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, thu được từ các hoạt động phục vụ thực hiện tại Nước kia sẽ không bị đánh thuế tại Nước kia với điều kiện các hoạt động phục vụ đó có liên quan đến việc học tập hoặc đào tạo của đối tượng đó và tiền công trả cho hoạt động phục vụ như vậy là cần thiết để bổ sung thêm cho nguồn kinh phí sinh hoạt của đối tượng đó.

ĐIỀU 21

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

Một cá nhân, người hiện nay hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, trường cao đẳng, trường học hay cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với tiền công trả cho công việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu trong một khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

ĐIỀU 22

THU NHẬP KHÁC

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, bất kể phát sinh từ đâu, chưa được đề cập đến trong các Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Tuy nhiên, bất kỳ khoản thu nhập nào như vậy do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các nguồn tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận khoản thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy, những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 23

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC KHẢO SÁT, THĂM DÒ BAN ĐẦU HOẶC KHAI THÁC HY-ĐRÔ-CÁC-BON

Mặc dù đã có các quy định tại Điều 5 và Điều 14, một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và tiến hành các hoạt động có liên quan tới việc khảo sát, thăm dò ban đầu hay khai thác Hy-đrô-các-bon tại Nước ký kết kia liên quan đến các hoạt động đó, sẽ được coi là tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nằm tại đó.

ĐIỀU 24

XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Tại Việt nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

   Trường hợp a một đối tượng cư trú tại Việt nam nhận được thu nhập, phù hợp với Hiệp định này, có a thể bị đánh thuế tại Đan mạch, Việt nam sẽ cho phép trừ vào thuế đánh trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế thu nhập tại Đan mạch đã nộp trên phần thu nhập đó.

   Tuy nhiên số thuế được khấu trừ này sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập tại Việt nam được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ cho phần thu nhập có thể bị đánh thuế tại Đan mạch.

2. Tại Đan mạch, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

   (a) Thể theo các quy định tại điểm (c), khi một đối tượng cư trú của Đan mạch nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt nam, Đan mạch sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế thu nhập đã nộp tại Việt nam.

   (b) Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ như vậy sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ cho phần thu nhập có thể bị đánh thuế tại Việt nam.

   (c) Trường hợp một đối tượng cư trú của Đan mạch nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt nam, Đan mạch có thể gộp khoản thu nhập này vào cơ sở tính thuế, nhưng sẽ cho phép trừ khỏi thuế thu nhập phần thuế thu nhập được phân bổ cho phần thu nhập nhận được tại Việt nam.

(d) Theo nghĩa điểm (a) và (b) khoản này, thuế Việt nam đã nộp trên khoản tiền bản quyền nhận được (mà theo khoản 2 Điều 12 số thuế không vượt quá 5 phần trăm tổng số tiền bản quyền đó) có liên quan đến việc sử dụng bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hay quy trình bí mật, hoặc thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hay khoa học, khi việc sử dụng này được thực hiện trong một hoạt động tại Việt nam (trừ các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính) sẽ được coi là đã nộp ở mức 12,5 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

Quy định này sẽ không áp dụng trong trường hợp các khoản tiền bản quyền được trả đối với các loại tài sản, như đã được đề cập tại khoản này, mà trước đây do người trả tiền bản quyền đã bán đi và sau đó được người nhận tiền bản quyền cho người trả tiền bản quyền (hay một xí nghiệp liên kết theo nghĩa của Điều 9) thuê lại.

(e) Trường hợp luật Việt nam cho phép miễn hoặc giảm thuế Việt nam, mà các khoản thuế này lẽ ra phải nộp theo các quy định của Điều 7 đối với các khoản lợi tức do xí nghiệp của Đan mạch thu được từ cơ sở thường trú tại Việt nam, khi đó theo nội dung của điểm (a) và (b), số thuế Việt nam sẽ được phép trừ vào số thuế Đan mạch như trường hợp số thuế đó không được miễn hay giảm tại Việt nam, với điều kiện là cơ sở thường trú này tham gia vào các hoạt động kinh doanh (trừ các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính) và không quá 25 phần trăm của khoản lợi tức đó bao gồm lãi từ tiền cho vay và lợi tức từ chuyển nhượng cổ phần và trái phiếu hoặc bao gồm lợi tức phát sinh từ các Nước thứ ba.

(f) Trường hợp lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một đối tượng (là một công ty) là đối tượng cư trú của Đan mạch mà công ty này sở hữu trực tiếp hay gián tiếp không dưới 25 phần trăm vốn cổ phần của công ty thứ nhất, khi đó tiền lãi cổ phần sẽ được miễn thuế tại Đan mạch với điều kiện là công ty trả tiền lãi cổ phần phải tham gia vào các hoạt động kinh doanh (trừ các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính) và không quá 25 phần trăm lợi tức của công ty bao gồm lãi từ tiền cho vay và lợi tức từ chuyển nhượng cổ phần và trái phiếu hoặc bao gồm lợi tức phát sinh từ các Nước thứ ba.

(g) Trong trường hợp tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Đan mạch mà công ty này sở hữu ít nhất 10 phần trăm vốn cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần, nếu số tiền lãi cổ phần này không được miễn thuế Đan mạch theo điểm (f) thì việc khấu trừ theo nội dung điểm (a) và (b) của khoản này sẽ tính đến thuế Việt Nam do công ty trả lãi cổ phần phải nộp trên phần lợi tức để chia lãi cổ phần.

(h) Các quy định của điểm (d), (e) và (f) sẽ áp dụng trong 10 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ trao đổi với nhau để xác định thời hạn này sẽ được gia hạn hay không. Bất kể việc gia hạn nào như vậy sẽ có hiệu lực từ ngày và căn cứ vào những nội dung sửa đổi và các điều kiện, kể cả các điều kiện về kết thúc, có thể được qui định chi tiết và được thỏa thuận trong công hàm trao đổi giữa hai Nước ký kết thông qua đường ngoại giao hoặc bất kỳ hình thức nào khác phù hợp với các thủ tục hợp hiến của hai Nước.

ĐIỀU 25

GIỚI HẠN CÁC ƯU ĐÃI

Không ảnh hưởng tới điểm (f) khoản 1 Điều 24, trường hợp bất kỳ đối tượng nào có thu nhập từ nguồn nằm ngoài Việt nam và thu nhập đó được miễn thuế theo các luật của Việt nam và đồng thời được miễn thuế tại Đan mạch theo Hiệp định này, Đan mạch có thể đánh thuế khoản thu nhập đó theo các luật của nước mình mặc dù đã có các quy định của Hiệp định này.

ĐIỀU 26

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn hình thức thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng các suất miễn thu cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế căn cứ vào tư cách dân sự hay trách nhiệm gia đình mà Nước đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

3. Trừ khi những quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12 áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết kia sẽ được phép tính vào chi phí được trừ để xác định các khoản lợi tức của xí nghiệp đó, theo cùng các điều kiện như là các khoản lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5. Các quy định tại khoản 2 và 4 Điều này sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt nam mà trong mọi trường hợp loại thuế này sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi tức được chuyển ra nước ngoài và không áp dụng đối với chính sách thuế Việt nam liên quan tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6. Không có nội dung nào của Điều này sẽ được hiểu là buộc từng Nước ký kết cho phép các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ các suất miễn thu cá nhân, miễn thuế hay giảm thuế trong khi tính thuế mà Nước đó cho các cá nhân cư trú được hưởng.

7. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

8. Mặc dù đã có các quy định của Điều này, trong thời gian Việt nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam, trong đó quy định chi tiết hình thức thuế áp dụng cho nhà đầu tư thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là vi phạm các quy định tại khoản 2 và 4 Điều này.

ĐIỀU 27

CÁC THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, hoặc nếu trường hợp đối tượng đó thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều 26 thì có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền tại Nước ký kết nơi đối tượng đó mang quốc tịch, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp khiếu nại đó phải được giải trình trong vòng 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định này.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đạt được sẽ được áp dụng không căn cứ vào bất kỳ giới hạn thời gian nào ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cùng cố gắng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Hiệp định này. Hai bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp chưa được quy định trong Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua cuộc trao đổi, sẽ xây dựng các thủ tục, các điều kiện và các phương pháp và kỹ thuật song phương thích ứng để thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương được quy định tại Điều này. Hơn nữa, từng nhà chức trách có thẩm quyền có thể lập các thủ tục, điều kiện, biện pháp và kỹ thuật đơn phương thích hợp để tạo thuận lợi cho các hoạt động song phương nói trên và việc áp dụng thủ tục thỏa thuận song phương.

ĐIỀU 28

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

   (b) cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

   (c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 29

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế được dành cho các viên chức ngoại giao hoặc các viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định riêng biệt.

ĐIỀU 30

MỞ RỘNG LÃNH THỔ

1. Hiệp định này có thể được mở rộng, với toàn bộ nội dung hay với bất kỳ sửa đổi cần thiết, đối với các vùng lãnh thổ thuộc quyền chủ quyền của Đan mạch đã được loại trừ cụ thể khỏi phạm vi áp dụng của Hiệp định hoặc bất kỳ vùng lãnh thổ nào có các quan hệ quốc tế do Đan mạch chịu trách nhiệm và tại các vùng đó áp dụng các loại thuế có bản chất cơ bản giống như các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Việc mở rộng lãnh thổ như trên sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày và căn cứ vào các nội dung sửa đổi và các điều kiện, kể cả các điều kiện để kết thúc, được quy định chi tiết và thỏa thuận giữa hai Nước ký kết trong các công hàm trao đổi qua các đường ngoại giao hay dưới bất kỳ hình thức nào khác phù hợp với thủ tục hợp hiến của hai Nước ký kết.

2. Trừ khi hai Nước ký kết có thỏa thuận khác, việc kết thúc Hiệp định của một trong hai Nước ký kết theo Điều 32 cũng sẽ kết thúc việc áp dụng Hiệp định này, theo cách thức quy định tại Điều đó, đối với bất kỳ vùng lãnh thổ nào được mở rộng theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 31

HIỆU LỰC

1. Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau về các thủ tục hợp hiến cần phải tuân theo để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

   (a) tại Việt nam:

      (i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định này có hiệu lực;

      (ii) đối với các khoản thuế Việt nam khác, thu trên thu nhập, lợi tức hoặc lợi tức từ chuyển nhượng tài sản hoặc lợi tức phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định có hiệu lực;

(b) tại Đan mạch:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định này có hiệu lực;

(ii) đối với các khoản thuế Đan mạch khác, thu trên thu nhập, lợi tức hoặc lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định này có hiệu lực;

ĐIỀU 32

ĐIỀU KHOẢN KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một trong hai Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao, có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) tại Việt nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm tiếp theo năm dương lịch gửi thông báo kết thúc;

(ii) đối với các khoản thuế Việt nam khác, thu trên thu nhập,lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định và những những năm dương lịch sau đó.

(b) tại Đan mạch:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm tiếp theo năm dương lịch gửi thông báo kết thúc;

(ii) đối với các khoản thuế Đan mạch khác, thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định và những năm tính thuế sau đó.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định được làm thành hai bản tại Copenhagen ngày 31. tháng .5.. năm một nghìn chín trăm chín mươi-lăm.. bằng các thứ tiếng: Việt, Đan mạch và tiếng Anh, tất cả ba văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	TM. CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Vương quốc Đan mạch về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, những người ký dưới đây đã thỏa thuận những quy định sau đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

Liên quan đến khoản 4 và 5 Điều 5:

Về điểm (a) và (b) khoản 4 Điều 5, hai bên thống nhất rằng việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản chỉ với mục đích giao hàng trong tương lai hoặc việc duy trì các phương tiện được sử dụng chỉ với mục đích giao hàng hóa hoặc tài sản trong tương lai của một xí nghiệp của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia sẽ không tạo thành một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu các điều kiện tại điểm (b) khoản 5 Điều này không thỏa mãn.

Liên quan đến khoản 8 Điều 13:

Các nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết, thể theo đề nghị của Nước ký kết kia, sẽ thông báo cho các nhà chức trách có thẩm quyền của Nước kia trong các trường hợp thuế được áp dụng theo các quy định tại khoản này. Các chi tiết thông báo sẽ bao gồm cách tính thuế và cơ sở tính thuế.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư được làm thành hai bản tại Copenhagen ngày 31.th tháng May năm một nghìn chín trăm chín mươi-1995... bằng các thứ tiếng: Việt, Đan mạch và tiếng Anh, tất cả ba văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TM. CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF DENMARK

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam
and
the Government of the Kingdom of Denmark,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Personal Scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   (a) in Vietnam:

   (i) the personal income tax;
   (ii) the profit tax; and
   (iii) the profit remittance tax;

   (hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

(b) in Denmark:

(i) the income tax to the State;
(ii) the municipal income tax;
(iii) the income tax to the county municipalities; and
(iv) taxes imposed under the Hydrocarbon Tax Act;

(hereinafter referred to as "Danish tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of substantial changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial sea and any area beyond and adjacent to its territorial sea, within which Vietnam, by Vietnamese legislation and in accordance with international law, has sovereign rights of exploration for and exploitation of natural resources of the sea bed and its subsoil and superjacent watermass;

(b) the term "Denmark" means the Kingdom of Denmark including any area outside the territorial sea of Denmark which in accordance with international law has been or may hereafter be designated under Danish laws as an area within which Denmark may exercise sovereign rights with respect to the exploration and exploitation of the natural resources of the seabed or its subsoil and superjacent waters and with regard to other activities for the economic exploitation and exploration of the said area; the term does not comprise the Faroe Islands and Greenland;

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Denmark as the context requires;

(d) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "nationals" means:

(i) all individuals possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) all legal persons, partnerships and associations deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State; and

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

(ii) in the case of Denmark, the Minister for Taxation or his authorized representative.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1, a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of registration is situated. However, where such person has its place of registration in one of the States and its place of effective management in the other State, then the competent authorities of the Contracting States shall determine by mutual agreement the State of which the person shall be deemed to be a resident for the purposes of this Agreement. In the absence of such mutual agreement, for the purposes of this Agreement, the person shall in each Contracting State be deemed not to be a resident of the other Contracting State.

ARTICLE 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of the enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;
(b) a branch;
(c) an office;
(d) a factory;

(e) a workshop; and

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

(a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

(b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any 12-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in subparagraphs (a) to (e) provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

(a) has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

(b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated and shall include any option or similar right in respect thereof. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property, rights to explore for or to exploit mineral deposits, sources and other natural resources and rights to amounts computed by reference to the amount or value of production from such resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to:

(a) that permanent establishment; or
(b) sales in that other State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or
(c) other business activities carried on in that other State of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment.

The provisions of subparagraphs (b) and (c) shall not apply if the enterprise shows that such sales or activities could not reasonably have been undertaken by that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person in cases where the information available to the competent authority of that State is inadequate to determine the profits to be attributed to a permanent establishment, provided that such law shall be applied, so far as the information available to the competent authority permits, consistently with the principles of this Article.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

7. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

8. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of aircraft or ships in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. For the purposes of this Article, profits from the operation of ships or aircraft in international traffic include:

   (a) income from rental on a bareboat basis of ships or aircraft; and
   (b) profits from the use, maintenance or rental of containers (including trailers and related equipment for transport of containers) used for transport of goods or merchandise,

   where such rental or such use, maintenance or rental, as the case may be, is incidental to the operation of ships or aircraft in international traffic.

3. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

4. With respect to profits derived by the Danish, Norwegian and Swedish air transport consortium, known as the Scandinavian Airlines System (SAS), the provisions of paragraphs 1 and 3 shall apply only to such proportion of the profits as corresponds to the participation in that consortium held by Det Danske Luftfartsselskab (DDL), the Danish partner of Scandinavian Airlines System (SAS).

ARTICLE 9

Associated Enterprises

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   (b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person, including determinations in cases where the information available to the competent authority of that State is inadequate to determine the income to be attributed to an enterprise, provided that such law shall be applied, so far as it is practicable to do so, consistently with the principles of this Article.

3. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting State shall, if necessary, consult each other.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed:

   (a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company (other than a partnership) which holds directly at least 70 per cent or has invested at least twelve millions U.S. $ of the capital of the company paying the dividends;

   (b) 10 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company (other than a partnership) which holds less than 70 per cent but at least 25 per cent of the capital of the company paying the dividends;

   (c) 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, and income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2,

   (a) interest arising in Vietnam shall be exempt from Vietnamese tax if the interest is paid to:

(i) the State of Denmark, a political subdivision, a local authority or statutory body thereof;
(ii) the National Bank of Denmark;
(iii) any other institution the capital of which is wholly or mainly owned by the Government of Denmark, as may be agreed from time to time between the competent authorities of the Contracting States;

(b) interest arising in Denmark shall be exempt from Danish tax if the interest is paid to:

(i) the Government of Vietnam, a political subdivision, a local authority or statutory body thereof;
(ii) the State Bank of Vietnam;
(iii) a statutory body, or any other institution the capital of which is wholly or mainly owned by the Government of Vietnam, as may be agreed from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, but not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties the tax so charged shall not exceed 15 per cent of the gross amount of the royalties. Notwithstanding the preceding sentence, if the royalties are paid with respect to any patent, design or model, plan, secret formula or process, or for information concerning industrial or scientific experience or for the use of or the right to use industrial, commercial or scientific equipment involving a transfer of know how, the tax so charged shall not exceed 5 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, or a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

Gains from the Alienation of Property

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or comparable interests in a company, the assets of which consist wholly or principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

4. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, or containers (including trailers and related equipment for transport of containers), the use of which is incidental to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in that Contracting State. The provisions of this paragraph, however, shall not apply if the containers or trailers and related equipment are used for transport solely between places within the other Contracting State.

5. With respect to gains derived by the Danish, Norwegian and Swedish air transport consortium Scandinavian Airlines System (SAS), the provisions of paragraph 4 shall apply only to such proportion of the gains as corresponds to the participation in that consortium held by Det Danske Luftfartsselskab (DDL), the Danish partner of Scandinavian Airlines System (SAS).

6. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 3 representing a participation of at least 10 per cent in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

7. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4, 5 and 6 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

8. In the case of an individual who was a resident of a Contracting State and has become a resident of the other Contracting State, paragraphs 6 and 7 of this Article shall not affect the right of the first-mentioned State under its national laws to tax the individual on a capital appreciation up to the change of residence in respect of shares.

   Where the shares are subsequently alienated and the gains from such alienation are taxed in the other Contracting State in accordance with this Article, that other State shall allow as a deduction from the tax on the income, an amount equal to the income tax which was paid in the first-mentioned State.

   Such deduction shall not, however, exceed that part of the income tax as computed before the deduction is given which is attributable to the income which may be taxed in the first-mentioned State in accordance with the first sentence of this paragraph.

ARTICLE 14

Independent Personal Services

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, where such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) If his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18, 19 and 21, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

   (a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the fiscal year concerned, and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

4. Where a resident of Denmark derives remuneration in respect of an employment exercised aboard an aircraft operated in international traffic by the Scandinavian Airlines System (SAS) consortium, such remuneration shall be taxable only in Denmark.

ARTICLE 16

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 17

Artistes and Sportsmen

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or sportsmen who are residents of a Contracting State from activities in the other Contracting State under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting States shall be exempt from tax in that other Contracting State.

ARTICLE 18

Pensions and Similar Payments

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

2. In the case of an individual who was a resident of a Contracting State and has become a resident of the other Contracting State, paragraph 1 of this Article shall not affect the right of the first State under its national laws to tax pensions, other similar remuneration and annuities accruing to such individual from the first State.

3. The term "annuities" means stated sums payable periodically at stated times, during life or during a specified or ascertainable period of time, under an obligation to make the payments in return for adequate and full consideration in money or money's worth.

ARTICLE 19

Government Service

1.

(a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or

(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2.

(a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority may be taxed in that State.

(b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.

3. The provisions of Articles 15, 16 and 18 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 20

Students and Apprentices

1. Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration which a student or a business apprentice who is a or was formerly a resident of a Contracting State and who is present in the other Contracting State solely for the purpose of his education or training derives from services rendered in that other State shall not be taxed in that other State provided that such services are in connection with his education or training and that the remuneration for such services is necessary to supplement the resources available to him for the purpose of his maintenance.

ARTICLE 21

Teachers, Professors and Researchers

An individual who is, or immediately before visiting a Contracting State was, a resident of the other Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State, for a period of two years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

ARTICLE 22

Other Income

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. However, any such income derived by a resident of a Contracting State from sources in the other Contracting State may also be taxed in that other State.

3. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 23

Activities in connection with Preliminary Surveys, Exploration or Extraction of Hydrocarbons

Notwithstanding the provisions of Article 5 and Article 14, a person who is a resident of a Contracting State and caries on activities in connection with preliminary surveys, exploration or extraction of hydrocarbons situated in the other Contracting State shall be deemed to be carrying on in respect of those activities a business in that other Contracting State through a permanent establishment or fixed base situated therein.

ARTICLE 24

Elimination of Double Taxation

1. In Vietnam double taxation shall be eliminated as follows:

   Where a resident of Vietnam derives income which, in accordance with this Agreement, may be taxed in Denmark, Vietnam shall allow as a deduction from the tax on the income of that resident, an amount equal to the income tax paid thereon in Denmark.

   Such deduction shall not, however, exceed that part of the income tax in Vietnam as computed before the deduction is given, which is attributable to the income which may be taxed in Denmark.

2. In Denmark double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Subject to the provisions of subparagraph (c), where a resident of Denmark derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Vietnam, Denmark shall allow as a deduction from the tax on the income of that resident, an amount equal to the income tax paid in Vietnam.

   (b) Such deduction shall not, however, exceed that part of the income tax, as computed before the deduction is given, which is attributable to the income which may be taxed in Vietnam.

(c) Where a resident of Denmark derives income which, in accordance with the provisions of the Agreement, shall be taxable only in Vietnam, Denmark may include this income in the tax base, but shall allow as a deduction from the income tax that part of the income tax, which is attributable to the income derived from Vietnam.

(d) For the purposes of subparagraphs (a) and (b) of this paragraph the Vietnamese tax paid in respect of royalties received (which can not according to paragraph 2 of Article 12 exceed 5 per cent of the gross amount of such royalty) as a consideration for the use of any patent, design or model, plan, secret formula or process, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience shall, where it has been used in an activity (other than business activities in the financial sector) which has been carried out in Vietnam, be deemed to have been paid at a rate of 12,5 per cent of the gross amount of the royalties.

This provision shall not apply where royalties are paid in respect of assets, as mentioned in this subparagraph, which are sold by the payer and leased back by the recipient to the payer (or an associated enterprise within the meaning of Article 9) of the royalties.

(e) Where exemption from or reduction of Vietnamese tax, payable in accordance with the provisions of Article 7 in respect of profits derived by a Danish enterprise from a permanent establishment situated in Vietnam, has been granted under Vietnamese law, then, for the purposes of subparagraphs (a) and (b), deduction from Danish tax for Vietnamese tax shall be allowed as if no such exemption or reduction had been granted, provided that the permanent establishment is engaged in business activities (other than business activities in the financial sector) and that no more than 25 per cent of such profits consist of interest and gains from the alienation of shares and bonds or consist of profits derived from third States.

(f) Where dividends are paid by a company which is a resident of Vietnam to a person (being a company) which is a resident of Denmark, and which owns directly or indirectly not less than 25 per cent of the share capital of the first-mentioned company, then such dividends shall be exempt from tax in Denmark, provided that the company paying the dividends is engaged in business activities (other than business activities in the financial sector) and that no more than 25 per cent of the company's profits consist of interest and gains from the alienation of shares and bonds or consist of profits derived from third States.

(g) In the case of a dividend paid by a company which is a resident of Vietnam to a company which is a resident of Denmark and which owns at least 10 per cent of the share capital of the company paying the dividends, if the dividend is not exempt from Danish tax in accordance with subparagraph (f), the credit for the purposes of subparagraphs (a) and (b) of this paragraph shall take into account the Vietnamese tax payable by the company paying the dividend in respect of the profits out of which such dividend is paid.

(h) The provisions in subparagraphs (d), (e) and (f) shall apply for the first ten years for which the Agreement is effective. The competent authorities shall consult each other in order to determine whether this period shall be extended. Any such extension shall take effect from such date and subject to such modifications and conditions, including conditions as to termination, as may be specified and agreed between the Contracting States in notes to be exchanged through diplomatic channels or in any other manner in accordance with their constitutional procedures.

ARTICLE 25

Limitation of Benefits

Without prejudice to subparagraph (f) of paragraph 1 of Article 24, where any person derives income from a source situated outside Vietnam and such income is exempt from tax under the laws of Vietnam and also exempt from tax in Denmark under this Agreement, Denmark may tax such income under its own laws notwithstanding the provisions of this Agreement.

ARTICLE 26

Non-discrimination

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities. This provision shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 7 of Article 11, or paragraph 6 of Article 12, apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State.

4. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

5. The provisions of paragraphs 2 and 4 of this Article shall not apply to the Vietnamese profit remittance tax, which in any case shall not exceed 10 per cent of the gross amount of profits remitted, and the Vietnamese taxation in respect of agricultural production activities.

6. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in that State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.

7. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

8. Notwithstanding the provisions of this Article, for so long as Vietnam continues to grant to investors licenses under the Law on Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subjected, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraphs 2 and 4 of this Article.

ARTICLE 27

Mutual Agreement Procedure

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which that person is a resident, or if his case comes under paragraph 1 of Article 26, to that of the Contracting State of which he is a national. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall jointly endeavour to resolve any difficulties or doubts arising as to the application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs. The competent authorities, through consultations, shall develop appropriate bilateral procedures, conditions, methods and techniques for the implementation of the mutual agreement procedure provided for in this Article. In addition, a competent authority may devise appropriate unilateral procedures, conditions, methods and techniques to facilitate the above-mentioned bilateral actions and the implementation of mutual agreement procedures.

ARTICLE 28

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Article 1. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

ARTICLE 29

Diplomatic Agents and Consular Officers

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 30

Territorial Extension

1. This Agreement may be extended, either in its entirety or with any necessary modifications to the territories under Denmark's sovereignty which are specifically excluded from the application of the Agreement or to any territory for whose international relations Denmark is responsible, and which imposes taxes substantially similar in character to those to which the Agreement applies. Any such extension shall take effect from such date and subject to such modifications and conditions, including conditions as to termination, as may be specified and agreed between the Contracting States in notes to be exchanged through diplomatic channels or in any other manner in accordance with their constitutional procedures.

2. Unless otherwise agreed by both Contracting States, the termination of the Agreement by one of them under Article 32 shall also terminate, in the manner provided for in that Article, the application of the Agreement to any territory to which it has been extended under this Article.

ARTICLE 31

Entry into Force

1. The Governments of the Contracting States shall notify to each other that the constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been complied with. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications.

2. This Agreement shall have effect:

   (a) in Vietnam:

      (i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the Agreement enters into force;

      (ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following the calendar year in which the Agreement enters into force;

(b) in Denmark:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the Agreement enters into force;

(ii) in respect of other Danish taxes, in relation to income, profits or gains arising in the tax year beginning on or after 1 January in the calendar year following the year in which the Agreement enters into force.

ARTICLE 32

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting States. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving to the other Contracting State written notice of termination at least six months before the end of any calendar year after the expiry of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event the Agreement shall cease to have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the notice of termination is given;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following the calendar year in which the notice of termination is given, and in subsequent calendar years;

(b) in Denmark:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the notice of termination is given;

(ii) in respect of other Danish taxes, in relation to income, profits or gains arising in the tax year beginning on or after 1 January in the calendar year following the year in which the notice of termination is given, and in subsequent calendar years.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Copenhagen this 31th day of May of the year one thousand nine hundred and ninety-five in the Vietnamese, Danish and English languages, all three texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF DENMARK

PROTOCOL

At the moment of signing the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Denmark for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income the undersigned have agreed upon the following provisions which shall constitute an integral part of the Agreement.

With respect to Article 5, paragraphs 4 and 5

In respect of subparagraphs (a) and (b) of paragraph 4 of Article 5, it is understood that the maintenance of a stock of goods or merchandise solely for the purpose of future delivery or facilities used solely for the purpose of future delivery of goods or merchandise of an enterprise of a Contracting State in the other Contracting State shall not constitute a permanent establishment in the other Contracting State as long as the conditions of subparagraph (b) of paragraph 5 of the same Article are not fulfilled.

With respect to Article 13, paragraph 8

The competent authorities of a Contracting State shall upon request of the other Contracting State inform the competent authorities of that other State in cases where tax is levied in accordance with the provisions of this paragraph. Details shall be given about the calculation of the tax and about the tax base.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at Copenhagen this 31.th day of May of the year one thousand nine hundred and ninety-five in the Vietnamese, Danish and English languages, all three texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF DENMARK

Carsten Koch.